

INTAKE FORM Two Copies
HÀU ĐƠN VỀ LÝ-LỊCH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Th-nhan) : NGUYỄN VĂN PHÁT
Last (Ten Họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : Month (Tháng) 06 Day (Ngày) 19 Year (Năm) 1940
(Nam, nơi sinh)
SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam): NAM Female (Nữ):
MARITAL STATUS Single (Độc thân): 1 VỢ Married (Có lập gia đình): 3 con
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY
(Địa chỉ tại Việt-Nam) HUYỆN HỒC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) Có No (Không)
If Yes (Nếu có): From (Từ): 06-4-1985 To (Đến): 12-01-1987
PLACE OF RE-EDUCATION: THỎ HÂN
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp):
EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ):
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): TRUNG SĨ LƯC QUÂN
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ):
Date (năm):
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có):
IV Number (Số hồ sơ): KHÔNG
No (Không):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 04 NGƯỜI
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY - HUYỆN HỒC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay người bảo trợ):
KHÔNG
U.S. CITIZEN (Công dân Hoa-Kỳ): Yes (Có): No (Không): KHÔNG
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với người tù):
NAME & SIGNATURE:
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người khai báo)
DATE: CHẤT 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY HUYỆN HỒC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN VĂN PHÁT

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Entered on page 1

NAME OF DEPENDENT (MINOR/CHILD) RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
1. LÊ THỊ NGHĨA - (VỢ)	NĂM - 1946	33/6 ẤP VẠN HẠNH Xã TRUNG MỸ TÂY-HM
2. NGUYỄN ĐỨC MINH (CON)	1 - 11 - 1969	33/6-ẤP VẠN HẠNH Xã TRUNG MỸ TÂY
3. NGUYỄN ĐỨC QUAN (CON)	22-09-1976	- M -
4. NGUYỄN THỊ THU VÂN (CON)	29 - 10 - 1979	- M -

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten tu-nhan) : NGUYỄN VĂN PHÁT
Last (Ten họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 06 19 1940
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): 1 VỢ Married (Co lap gia dinh): 3-con
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY
(Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN HỒC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 06-4-1985 To (Den): 12-01-1987
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghề nghiệp): THỎ HẠN
EDUCATION IN U.S. (Da hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG SĨ LỰC QUÂN
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ):
Date (nam):
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap đơn cho ODP): Yes (Co):
TV Number (So ho so): KHÔNG
No (Khong):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 04 NGƯỜI
(Ten than nhan tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi liên lạc tại VN): 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY - HUYỆN HỒC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Người Bảo trợ):
KHÔNG
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (Co): No (Khong): KHÔNG
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân):
NAME & SIGNATURE:
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc với bạn)
DATE: CHỈ 33/6 ẤP VAN HANH XÃ TRUNG MỸ TÂY HUYỆN HỒC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
NGUYỄN VĂN PHÁT

NAME OF DEPENDENT AND RELATIVE TO	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO FA.
1. LÊ THỊ NGHĨA - (VỢ)	NĂM - 1946	33/6 ẤP VĂN HẠNH XÃ TRUNG MỸ TÂY-HM
2. NGUYỄN ĐỨC MINH (CON)	4-11-1969	33/6-ẤP VĂN HẠNH XÃ TRUNG MỸ TÂY
3. NGUYỄN ĐỨC QUAN (CON)	22-09-1976	- M -
4. NGUYỄN THỊ THU VÂN (CON)	29-10-1979	- M -

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

03

QUYẾT ĐỊNH

Đoàn Văn Khoa

Kiên cường, Kiên Gáo, địa lý, tổng, học môn

- Các môn học: ...

- Các môn học: ...

...

...

...

...

...

Nguyễn Văn Phát

1940

Học môn

3/1/6, cấp văn, thành xã, kinh nghiệm, học môn

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

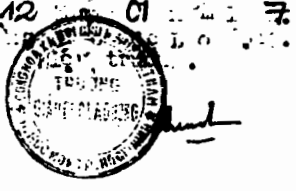
...

...

...

...

...



...

Chứng nhận
HLS địa phương
nơi đây...
tên địa phương...
ngày... tháng... năm...

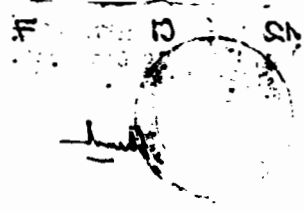


Hội đồng...
tên...
ngày...

đ/s...
Chứng nhận...
nơi đây...
tên...
ngày... tháng... năm...



ngày... tháng... năm...
tên...
ngày... tháng... năm...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021469491**

Họ tên **NGUYỄN VĂN PHÁT**



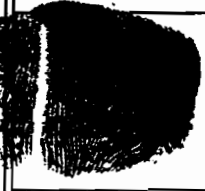
Sinh ngày **1940**

Nguyên quán **Hồ Môn,**

Thị trấn Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **3/6 Vạn Hạnh,**

Hồ Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Sọc cong lồi cách 1,9cm trên trước mào phải	
Ngày 21 tháng 8 năm 1979	
PHÓ TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG CS	
 Mai Văn Tuấn	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~62~~ 469492



Họ tên **LÊ THỊ NGHĨA**

Sinh ngày **1946**

Nguyên quán **Hố Môn,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **33/6 Vạn Hạnh,**

Hố Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Sẹo không rõ hình d, lom r, 0,4cm s, 2,2cm sau cánh mũi phải	
Ngày 21 tháng 8 năm 1979	
T. M. ... TRƯỞNG TY CÔNG AN	
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CSI	
	
Chai văn bản	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02146949

Họ tên NGUYỄN VĂN PHÁT



Sinh ngày 1940

Nguyên quán Hóc Môn,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 3/6 Vạn Hạnh,

Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>			
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc cong 1cm cách 1,9cm trên trước ngón phải	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 24 tháng 8 năm 1979	
		 PHÓ TƯỚNG PHÒNG CSI <i>Mai Văn Cẩn</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022124947

Họ tên: NGUYỄN ĐỨC MINH



Sinh ngày: 01-11-1969

Nguyên quán: Học Môn,

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: 33/0 Vạn Hạnh,
Trung Mỹ Tây, Học Môn, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt nuôi đau mắt trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 2 tháng 12 năm 1965	
		 Trưởng Công an <i>Trần Văn</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021469492**



Họ tên **LÊ THỊ NGHĨA**

Sinh ngày **1946**

Nguyên quán **Hố Môn,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **33/6 Vọng Hạnh,**

Hố Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI	Sẹo không rõ hình d, lớn r, 0,4cm c, 2,2cm. sau cánh mũi phải
NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 24 tháng 8 năm 1979 TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG CS1  Chai văn Cẩn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022124947

Họ tên: NGUYỄN ĐỨC MINH

Sinh ngày: 01-11-1969

Nguyên quán: Học Môn,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 33/0 Vạn Hạnh,

Trung Mỹ Tây, Học Môn, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt nuôi đầu mắt trái	
		Ngày 2 tháng 12 năm 1985	
		THÀNH BỐN QUỐC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		 Phan Văn	

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
ỦY-BAN NHÂN-DÂN C.M.
Quận HỒ-HỒNG
Xã TRUNG-MỸ-TÂY
(Phường, Xã)



BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiện: 384
Năm 1976

Lập ngày 23 tháng 09 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN - ĐỨC - QUAN
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Hai mươi hai tháng chín năm một nghìn chín trăm bảy mươi sáu
Nơi sanh	Xã Trung Mỹ Tây
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN VĂN PHÁT, Việt Nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LÊ THỊ NGHĨA, VN
Cha mẹ có hôn thú không	////

SAO LỤC
Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 23 tháng 09 năm 1976
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

[Signature]
LÊ-Á-L-Ế

THÀNH PHỐ SÀI GÒN
ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.
Quận **ĐOÀN HỒ**
Phường (Xã) **TRUNG MỸ TÂY**



BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiện: **284**
Năm **1976**

Lập ngày **23** tháng **09** năm 197**6**

Họ tên	NGUYỄN - ĐỨC - QUAN
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Hai mươi hai tháng chín năm một nghìn chín trăm bảy mươi sáu
Nơi sanh	Xã Trung Mỹ Tây
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN VĂN PHÁT, Việt Nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	LÊ THỊ NHƯA, VN
Cha mẹ có hôn thú không	////



SAO LỤC **23** tháng **09** năm 197**6**
Thành phố **SÀI GÒN**, ngày **23** tháng **09** năm 197**6**
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

[Signature]
Đ. VĂN Đ. P.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn: Đông Mỹ Tây

Thị xã, quận: Độc lập

Thành phố, tỉnh: Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3



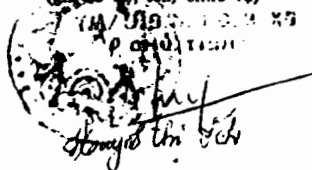
GIẤY KHAI SINH

Số 096

Quyển số 1

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Thu Vân</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi chín tháng mười năm một chín</u> <u>lăm chín (19-10-1979)</u>		
Nơi sinh	<u>Bé sinh ở Đông Mỹ Tây</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Phát</u> <u>1940</u>	<u>Lê Thị Ngọc</u> <u>1940</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>33/6 Vạn hành</u>	<u>33/6 Vạn hành</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Phát 1940</u> <u>33/6 Vạn hành</u>		

Đăng ký ngày 22 tháng 11 năm 1979
TH/UBND Đông Mỹ Tây ký tên, đóng dấu
(Chức vụ, họ, tên, chức vụ)



[Handwritten signature]

BỐN

TRÍCH - LUC

XÃ TRUNG-MỸ-TÂY.

$$\frac{1}{\sqrt{2}} \left(\frac{1}{\sqrt{2}} - \frac{1}{\sqrt{2}} \right) = \frac{1}{2} (1 - 1) = 0$$

-----300-----

Năm 1969

Số hiệu 776

[illegible]

: Tên, họ ấu nhi : NGUYỄN - ĐỨC - MINH
: Sinh (ngày, tháng, năm) : Phải Nam. Sinh ngày một, tháng
: mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.

KIẾN-THỊ :

: Tại : Trung-Hỹ-Tây, Gia-Định

TUN. XÃ TRƯỞNG

: Cha (tên, họ) : Nguyễn - Văn - Phát

Phó Xã Trưởng H/C

: Nghề-nghiệp : Quân nhân

Phó Xã Trưởng
ỦY BAN
HÀNH CHÁNH
TỈNH
HUYỆN-TA

: Cư-trú tại : Trung-Mỹ-Tây, Gia-Định

: Họ (tên, họ) : Lê-Thị - Nghĩa

HUYNH-TAM-CHON

: Họ (tên, họ) : Lê-Thị - Nghĩa

: Nghề-nghiệp : Nội trợ

: Cự-trú tại : Trung-Mỹ-Tây, Gia-Định

: Vợ (chánh hay thứ) : Vợ chánh

WOWOWOWOWOWOWOWO/OI/OI/OI/OI/OI/OI/OI/WOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOW

CHỨNG-THỰC :

Chữ ký bên đây là của Ông
Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Trung-Nhĩ-Tây

HỒC-MON, ngày 04 tháng 11 năm 1967

TRÍCH-Y BỐ SẢNH :

TRUNG-MỸ-TÂY, ngày 03 / 11 / 1964

Nguyễn-Viên Hồ-Tịch

TL. QUÂN-TRƯỞNG

[illegible]

ĐOÀN-VĂN-BÁCH.



XÃ TRUNG-MỸ-TÂY.

$$\frac{d^2}{dt^2} \left(\frac{1}{\rho} \right) - \frac{1}{\rho} \left(\frac{d}{dt} \left(\frac{1}{\rho} \right) \right)^2 - \frac{1}{\rho} \left(\frac{d}{dt} \left(\frac{1}{\rho} \right) \right) \left(\frac{d}{dt} \left(\frac{1}{\rho} \right) \right) = \frac{1}{\rho} \left(\frac{d}{dt} \left(\frac{1}{\rho} \right) \right)^2$$

Số hiệu 776



~~WOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWCWOIWOIICWOIOWO!OIVORHOWNOVVOI'OI'CICI'OAO~~

: Tên, họ ấu nhi : NGUYỄN - ĐỨC - MINH
: Sinh (ngày, tháng, năm) : Phải Nam. Sinh ngày một, tháng
: mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.

KIẾN-THỊ :

: Tại : Trung-Hỹ-Tây, Gia-Định

TUN. XÃ TRƯỞNG

: Cha (tên, họ) : Nguyễn - Văn - Phát

Phó Xã Trưởng H/C

: Nghề-nghiep : Quân nhân

: Nghề-nghĩệp

: Quân nhân

: Cư-trú tại

: Trung-Mỹ-Tây, Gia-Định

: Họ (tên, họ)

: Lê-Thị - Nghĩa

: Nghề-nghiep

: Nội trợ

: Cư-trú tại

: Trung-Mỹ-Tây, Gia-Dịnh

: Vợ (chánh hay thứ)

: Vợ chánh

:
WOWOWOWOPOWOWOWOKOIOI/OIWOIJOIWOIOIOWOIOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOWOW

CHUNG-THỰC :

Chữ ký bên đây là của Ông

Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Trung-Nỹ-Tây

HỒC-MON, ngày 04 tháng 11 năm 1967

TRÍCH-Y BỐ SANH :

TRUNG-MỸ-TÂY, ngày 03 / 11 / 1967

Phy-Viên Hộ-Tích

TL. QUÂN-TRƯỞNG

০৫৫. ১৯৫৫. ১৯৫৫.

ĐOÀN-VĂN-BÁCH.



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, thị trấn: Đông Mỹ Trưng

Thị xã, quận: Độc lập

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu NT2/P3



GIẤY KHAI SINH

Số 396

Quyển số 1

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Thu Vân</u>		nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi chín tháng mười năm một chín bảy chín (19.10.1979)</u>		
Nơi sinh	<u>Bà đẻ xã Đông Mỹ Trưng</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Phát</u> <u>1940</u>	<u>Lê Thị Thuần</u> <u>1940</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>33/6 Vạn An</u>	<u>33/6 Vạn An</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Phát 1940</u> <u>33/6 Vạn An</u>		

Đăng ký ngày 22 tháng 11 năm 1979
TM/UBND Đông Mỹ Trưng ký tên, đóng dấu

(Chức vụ, họ, tên, chức vụ)
18/11/1979
P. CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Phát

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PhÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Trung-mỹ-tây (Giadinh)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)



NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 77
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-Van-Phat
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Lê 19 Juin 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Trung-mỹ-tây
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Van-Lão
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm rẫy
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Trung-mỹ-tây
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Hiên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Trung-mỹ-tây
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh thục lục như

Chúng tôi.
(Nous)
Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Saigon, ngày 29/6 1959

TƯ
CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-Phán.

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Saigon, ngày 29/6 1959

CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền :
(Cout)

Biên-lai số :
(Quittance no)

5,00
34391/94

VIỆT-NAM LONG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Trung-mỹ-tây (Giadinh)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)



NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 77
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-Van-Phat
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 19 Juin 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Trung-Mỹ-Tây
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Van-Bao
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm rẫy
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Trung-Mỹ-tây
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Khan
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Trung-mỹ-tây
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh thục lục nhưt

Chúng tôi,
(Nous)
dùng Chánh-án Tòa Saigon.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Trần-quân-Chánh
(M.)
Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit Tribunal).
Saigon, ngày 29/6 1959
TƯW CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
NAM-PHẦN.

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Saigon, ngày 29/6 1959

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

69

5.00
34391/84

Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance no)

PHÂN LOẠI

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
TỔNG QUÂN QUẢN
TRUNG TÂM HẠM LUYỆN QUANG TRUNG
PHÒNG NHÂN VIÊN

Số : 1202 /TTL/CT/PRV/1974

Kể từ ngày ký Lệnh Phân Loại này các quân nhân có tên dưới đây thuộc Trung tâm
Hạam-Luyện Quang-Trung được cấp phát C.N.Q.S CÔNG VỤ .

Số : T	Cap bậc Số quân	Họ và Tên	Danh Hiệu	CNC	Chức vụ	C.C
1	Trg-đl I/TB	ĐINH VĂN 65/129.082	TU	Thư ký QNV		66.20
2	Trg-đl I/TB	VU HUNG 68/143.287	TUE	Thư Ký QNV		66.20
3	Trg-đl I/HD	TRẦN VĂN 53/301.544	HAI	Thư Ký QNV		66.20
4	Trg-đl/TB	VO PHUOC 68/143.529	HUNG	Thư Ký Quân-Bu		64.20
5	Trg-đl/HD	TRẦN GIA 58/140.060	TIEN	Ch/viên Tiếp liệu Q.Nhu		66.20
X 6	Trg-đl I/HD	NGUYỄN VĂN 67/132.656	PHAT	Ch/viên Tiếp Liệu Tổng Q		66.20
7	Trg-đl	HUI 57/412.442	CON	Ch/viên Tiếp Liệu Tổng Q		66.20
8	Hu-đl I/HD	VO VAN 59/145.488	HEN	Thư mỗ		61.20
9	Hu-đl I/TB	TRẦN KIM 60/142.600	TRI	Thư ký tá tư		61.20
10	Hu-đl I/HD	CHAU NGOC 58/104.820	THANH	Ch/viên Sửa chữa VV nhẹ		64.20
11	Hu-đl/HD	NGUYỄN VĂN 67/199.002	UT	Thư mỗ		61.10
12	Hu-đl/HD	NGUYỄN VĂN 55/158.312	ANH	Thư mỗ		61.10
13	Hu-đl/TB	NGUYỄN VĂN 61/181.358	MUNG	Thư chỉ		422.10
14	Hu-đl/TB	NGUYỄN VĂN 70/148.493	THOI	Thư chỉ		422.10
15	Hu-đl/TB	TRẦN VĂN 55/142.255	DI	Thư chỉ		422.10
16	Hu-đl/TB	DUNG 56/121.096	HAI	Thư diễn		355.10
17	Hu-đl/TB	NGUYỄN VĂN 61/105.484	BA	Hoa viên Tổng quát		66.10
18	Hu-đl/TB	ĐO VAN 56/800.507	LUCN	Hoa viên Tổng quát		66.10
19	Trung-đl/	HUYNH MINH 57/179.493	THUAN	Thư ký Hành-chính		617.20

Lệnh Phân Loại này phải được ghi chú và ghép vào hồ-sơ của các đương sự .

Nơi-Nhận

-Kính Ham-Luyện
-Liên Đoàn KS B
-Tiền-Đoan Công-Vũ
-Đội-Đội Quân Nậu
-Đội-Đội Quân-On

* để xin thông báo các đương sự *

*P.Nhân Viên /B. NHCB - HSP

* để ghi ghép hồ-sơ *

SƠ KINH CỤ

-BỘ TÀI/P.1QT (Kính Bộ-Nhân/BOI (2b)
(TTL/CA Nhân)

* để kính tường *

-RS/LT

K.B.C 4.091, ngày 15 tháng 07 năm 1974

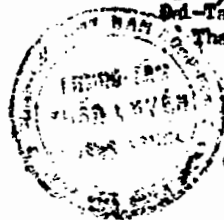
TL.Thiếu-Tướng PHAM-VAN-PIU

Chỉ-Huy-Trưởng

Trung-tâm Ham-luyện Quang-Trung

Đội-Ta PHAM-VAN-HUONG

Tham-Muoi-Trưởng



Handwritten signature

PHÂN LOẠI

VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỔNG CỤC QUẢN LÝ
TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN QUANG TRUNG
PHÒNG NHÂN VIÊN

Số: 1202/THL/CT/PNV/HN.

Kể từ ngày ký Lệnh Phân Loại này các quân nhân có tên dưới đây thuộc Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung được cấp phát C.N.Q.S. CÔNG VỤ.

Số	Cấp bậc	Họ và Tên	Danh Hiệu	C.N.Q.S.	C.O
1	Trợ-sĩ I/TB	ĐINH VĂN	TU	Thư ký QNV	66.20
2	Trợ-sĩ I/TB	WU HUNG	TUE	Thư ký QNV	66.20
3	Trợ-sĩ I/HD	TRẦN VĂN	HAI	Thư ký QNV	66.20
4	Trợ-sĩ/TB	VŨ PHUOC	HUNG	Thư ký Quân-Bu	66.20
5	Trợ-sĩ/HD	TRẦN GIA	TIEN	Ch/viên Tiếp liệu Q.Nhu	66.20
X 6	Trợ-sĩ I/HD	NGUYỄN VĂN	PHAT	Ch/viên Tiếp liệu Tổng Q	66.20
7	Trợ-sĩ	HUI	CON	Ch/viên Tiếp liệu Tổng Q	66.20
8	Hà-sĩ I/HD	VO VAN	HEU	Thư mỗ	66.20
9	Hà-sĩ I/TB	TRẦN KIM	TRI	Thư ký tá tư	66.20
10	Hà-sĩ I/HD	CHU NGOC	THANH	Ch/viên Sửa chữa W nh	66.20
11	Hà-sĩ/HD	NGUYỄN VĂN	UT	Thư mỗ	66.10
12	Hà-sĩ/HD	NGUYỄN VĂN	ANH	Thư mỗ	66.10
13	Hà-sĩ/TB	NGUYỄN VĂN	HUNG	Thư chỉ	66.10
14	Hà-sĩ/TB	NGUYỄN VĂN	THOI	Thư chỉ	66.10
15	Hà-sĩ/TB	TRẦN VĂN	DU	Thư chỉ	66.10
16	Hà-sĩ/TB	DIUNG	HAU	Thư diễn	66.10
17	Hà-sĩ/TB	NGUYỄN VĂN	BA	Hon viên Tổng quát	66.10
18	Hà-sĩ/TB	VO VAN	LUCN	Hon viên Tổng quát	66.10
19	Trung-sĩ	HUYNH MINH	THUAN	Thư ký Hành-chánh	66.20

Lệnh Phân Loại này phải được ghi chú và ghép vào hồ sơ của các đương sự.

Nơi-Nhận

- Kính Ban-Luyện
- Liên Đoàn KS B
- Liên Đoàn Công-Vũ
- Đoàn Sĩ Quan-Như
- Đoàn Sĩ Quan-Cu

để xin thông báo các đương sự

*P.Nhân Viên/B.S.HQ - HSP

để ghi ghép hồ sơ

SÀO KINH CỘI

-BỘ TQM/P.TQM (Kính Bỏ-Như/BON (2b)
(TQM/Ca Nhận)

để kính tường

-HS/LT

K.B.C 4.091, ngày 15 tháng 07 năm 1974

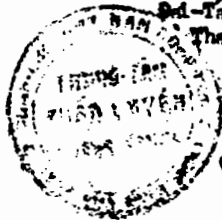
TL.Thiếu-Tướng PHAM-VAN-THU

Chỉ-Huy-Trưởng

Trung-Tâm Huấn luyện Quang-Trung

Đoàn-Ta PHAM-VAN-HUNG

Tham-Muối-Trưởng



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ HÔN - THỦ

PHIẾU
XÃ TÂN-THỚI-TRUNG

NĂM 1.962

Số Hiệu 37

Người chồng : (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Phát
Sanh tại :	Trung-Hỷ-Tây (Gia-Đình)
Sanh ngày :	19 tháng 6 năm 1.940
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Văn-Lộc (Sống) 56 tuổi
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Lê-Thị-Nhan (Chết)
Người vợ : Tên họ	Lê-Thị-Nhà
Vợ (chánh hay thứ)	//
Sanh tại :	Mỹ-Hòa
Sanh ngày :	Năm 1.946
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Lê-văn-Ngao (chết)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Võ-Thị-Hôn (Sống) 41 tuổi
Ngày cưới	Hai mươi một tháng năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai.

Chứng thật cho ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

Trích y bản chính :

Kiểm Ủy viên Hộ-tịch-Xã TÂN-THỚI-TRUNG

TÂN-THỚI-TRUNG ngày 15 tháng 11 năm 1968

HỐC-MỒN

ngày 18 tháng 11 năm 1968

Chủ tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch,



NGUYỄN-VĂN-THÀNH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ-Ngao-Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ HÔN - THÚ

HIỆN LỆ PHÍ
XX TÂN-THỐI-TRUNG

NĂM 1.962

Số Hiệu 37

Người chồng : (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Phát
Sanh tại :	Trung-Hỷ-Tây (Gia-Đình)
Sanh ngày :	19 tháng 5 năm 1.940
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Văn-Lộc (Sống) 56 tuổi
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Lê-Thị-Nhan (Chết)
Người vợ : Tên họ	Lê-Thị-Nghĩa
Vợ (chánh hay thứ)	//
Sanh tại :	Mỹ-Hòa
Sanh ngày :	Năm 1.946
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Lê-văn-Ngao (chết)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Võ-Thị-Hôn (Sống) 44 tuổi
Ngày cưới	Hai mươi một tháng năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai.

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

Trích y bản chính :

Mem Ủy viên Hộ-tịch-Xã TÂN-THỐI-TRUNG TÂN-THỐI-TRUNG ngày 15 tháng 11 năm 1968.
HỒC-MÔN ngày 18 tháng 11 năm 1968. Chủ tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch,



NGUYỄN-VĂN-THÁI
Phó Chủ-tịch



Kh. Nguyễn Văn Thái

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày ... tháng ... năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày ... tháng ... năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày ... tháng ... năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày ... tháng ... năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số:.....378988.....CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện:

Ngày ... tháng ... năm ...

Trưởng công an:

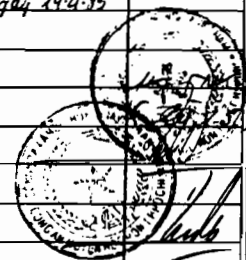
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:.....

Trưng: Lê Văn Thương

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ									
Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Phát	Chủ hộ	Nam	1940					
2	Bà Thị Nghĩa	Vợ	Nữ	1946					
3	Nguyễn Đức Mạnh	Con	Nam	1969	02/12/1967				
4	Nguyễn Đức Quan	Con	Nam	1970					
5	Nguyễn Thị Bích Vân	Con	Nữ	1979					
5	Nguyễn Văn Phát	Cháu	Nam	1980					



THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 378988... CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện:

Ngày .. tháng .. năm ..

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

Trưởng Công an: Lê Văn Thành

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Phát	Chủ hộ	Nam	1940		Đền - xã	01.1.77	Đi bắt từ ngày 19.4.85	
2	Đào Thị Nghĩa	Vợ	Nữ	1946			01.1.77		
3	Nguyễn Đức Mạnh	Con	Nam	1969	02224947		01.1.77		
4	Nguyễn Đức Quan	Con	Nam	1970			01.1.77		
5	Nguyễn Thị Phương	Con	Nữ	1975			30.11.79		
5	Nguyễn Văn Phát	Thợ	Nam	1940			11.7.87		

... 03 ...

QUYẾT ĐỊNH

... Điền Văn Hoàn ...

... Hiện trường - Phòng Giáo dục - xã động - học môn ...

- ...

- ...

...

...

...

...

... Điền Văn Phát ...

... 1940 ...

... Học môn ...

... Đã đi cấp văn - hình - xã - huyện - thị xã, học môn ...

...

... Kiểm định pháp - cách mạng ...

... Cơ quan ...

... Ủy ban nhân dân - huyện - học môn ...

...

... Lưu định ...

- Học tập định m: Cct ...

- Đạo đức: Cct ...

...

...

... 12 ... 01 ... 7 ...



...



Đã được kiểm tra và đúng như báo cáo. *Nguyễn Xuân*

[illegible]

 १०५

153 : 110 minto 1957 01/11/57

4. ... 13. ... 25

11-24

1